

- Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ.

Sinh viên thuộc diện buộc thôi học bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên. Trường sẽ có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Sinh viên thuộc diện buộc thôi học vì kết quả học tập, nếu có nguyện vọng chuyển trường phải làm đơn để trường xem xét từng trường hợp cụ thể.

Điều 16. Thôi học, tạm dừng học tập

16.1. Trường hợp vì hoàn cảnh cá nhân, sinh viên có thể gửi đơn xin thôi học.

Trường sẽ xem xét ra quyết định cho phép thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

16.2. Sinh viên được quyền xin tạm dừng học tập và được bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- Bị đau ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
- Trường hợp vì lý do cá nhân, sinh viên phải học ít nhất một năm học ở trường và không rơi vào các trường hợp bị đình chỉ học tập.

16.3. Thời gian tạm dừng học tập từ 01 đến tối đa 02 học kỳ chính liên tiếp, được tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học được quy định tại điều 6 của quy chế này, ngoại trừ trường hợp thi hành nghĩa vụ quân sự.

16.4. Sinh viên tạm dừng học tập, khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của trường.

Điều 17. Học cùng lúc hai ngành đào tạo

17.1. Sinh viên học cùng lúc hai ngành đào tạo là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một ngành đào tạo thứ hai khác với ngành đào tạo chính khi sinh viên đăng ký thi vào trường để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

17.2. Điều kiện để học cùng lúc hai ngành:

- Sinh viên phải tích lũy được số tín chỉ tương đương 3 học kỳ đầu tiên theo chương trình đào tạo.
- Sinh viên phải đạt học lực từ giỏi trở lên tại thời điểm xin học ngành thứ hai.

17.3. Sinh viên đang học ngành thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp loại học lực trung bình của một trong hai ngành thì phải dừng học ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

17.4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai ngành là thời gian tối đa quy định cho ngành học thứ nhất được quy định tại khoản 2 điều 6 của quy chế này.

17.5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất.

Điều 18. Điều kiện để chuyển ngành, chuyển trường

18.1. Chuyển ngành

Sinh viên được xem xét chuyển ngành nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề chung và có kết quả thi bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành xin chuyển đến.
- Không phải là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Đạt số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định tại khoản 3 điều 8 và có điểm trung bình chung tích lũy từ 6.5 trở lên.
- Được sự chấp thuận của hai Trưởng khoa chuyển đến và chuyển đi.

18.2. Chuyển trường

i. Sinh viên được chuyển Trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển hộ khẩu thường trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập.
- Trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận có cùng ngành học hoặc cùng nhóm ngành đào tạo.
- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận.

ii. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường, ngành xin chuyển đến.
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.
- Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo toàn trường trở lên.

18.3. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ GD&ĐT.

Chương 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

19.1. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

i. Học phần lý thuyết:

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho học phần đó, trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép học thêm ngành chuyên môn khác.
- Sinh viên phải dự đủ các đợt kiểm tra giữa học kỳ và các buổi thảo luận ở lớp.

ii. Học phần thực hành:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
- Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực tập.

19.2. Sinh viên nào không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ sau.

Điều 20. Đánh giá kết quả học tập của học phần

20.1. Thang điểm đánh giá

Các loại điểm của học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 4 và thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

Bảng xếp loại và thang điểm tương ứng

Loại	Điểm trung bình	Xếp loại
Đạt	Từ 9 đến 10	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8	Khá
	Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6	Trung bình
Không	Từ 4 đến cận 5	Yếu

đạt	Dưới 4	Kém
-----	--------	-----

Bảng thang điểm quy đổi

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
< 3,0	0,0	F

20.2. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần.

Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- Điểm kiểm tra giữa học kỳ.
- Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm thành phần có hệ số riêng được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được cán bộ giảng dạy thông báo rộng rãi đến sinh viên trong tuần đầu tiên của học kỳ. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của điểm thi kết thúc học phần và các điểm thành phần, tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 0,5.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của cán bộ giảng dạy về

việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

20.3. Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính vào số tín chỉ tích lũy.

20.4. Cách tính điểm cuối cùng của một học phần được quy định tại điều 25 của quy chế này.

Điều 21. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

Mỗi học kỳ trường chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần ngay sau khi kết thúc học kỳ theo kế hoạch giảng dạy và học tập của trường.

Hiệu trưởng quy định thời gian ôn thi và thi. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo.

Điều 22. Không hoàn tất học phần

Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, việc gia đình đột xuất,...) sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm chưa hoàn tất học phần (hoãn thi), ký hiệu bằng chữ I.

22.1. Trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho cán bộ giảng dạy học phần đó và P. ĐTDH. Trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng, sinh viên phải nộp trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi để được xem xét.

22.2. Cán bộ giảng dạy phụ trách học phần, Khoa chuyên môn và P. ĐTDH sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được nhận điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên tự ý bỏ thi sẽ nhận điểm không (0) cho học phần đó.

22.3. Nếu được nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải làm đơn đăng ký thi lại học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ

được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai học kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

22.4. Sinh viên nhận điểm I trong học kỳ nào sẽ không được xét học bổng khuyến khích của học kỳ đó.

Điều 23. Điểm bảo lưu – Điểm M

- 23.1. Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác trong thời gian không quá 5 năm nếu muốn xin miễn học phần đó, cần phải làm đơn kèm theo xác nhận (số tiết học, số tín chỉ và điểm) gửi về P. ĐTDH của trường trong vòng 1 tháng sau khi bắt đầu học kỳ. Trường có thể yêu cầu sinh viên cung cấp đề cương chi tiết của học phần có xác nhận của nơi sinh viên đã học. Nếu được chấp thuận thì học phần đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ bảo lưu (BL).
- 23.2. Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác mà điểm không xác định cụ thể, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận về P. ĐTDH để xem xét. Trong trường hợp đó, P. ĐTDH sẽ ghi điểm học phần bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.
- 23.3. Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm bảo lưu hoặc không muốn nhận điểm M nói trên, sinh viên phải đăng ký học và dự thi học phần đó.
- 23.4. Điểm bảo lưu không tham gia tính vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 24. Các loại điểm

- 24.1. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ (điểm trung bình chung học kỳ), mỗi năm học hay của khóa học là điểm tính theo kết quả của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (không tính điểm bảo lưu, điểm I, điểm M).
- 24.2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học được tính khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là điểm tính theo kết quả của các học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (kể cả các học phần có điểm bảo lưu).

- 24.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình tính theo kết quả của tất cả các học phần mà sinh viên đã đăng ký học (bao gồm cả điểm bảo lưu) từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm được xem xét.
- 24.4. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được quy định tại điều 25 của quy chế này.
- 24.5. Kết quả học tập của học kỳ hè (nếu có) được tính chung vào học kỳ kế liền trước đó.
- 24.6. Học phần có kết quả từ 5,0 điểm trở lên được bảo lưu khi sinh viên học thêm một ngành học mới trong trường. Điểm bảo lưu được tính vào điểm trung bình tích lũy của ngành học đó.
- 24.7. Không tính kết quả thi các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT.

Điều 25. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, xếp loại

- 25.1. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 0,5.
- 25.2. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính đến 2 số thập phân.
- 25.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình,

a_i là điểm học phần của học phần thứ i trong khoảng thời gian đang xét,

n_i là số tín chỉ tương ứng của học phần thứ i ,

N là tổng số học phần.

- 25.4. Xếp loại kết quả học tập học kỳ, năm học và tốt nghiệp (tham chiếu đến bảng Xếp loại và thang điểm tương ứng tại điều 20 của quy chế này).

Điều 26. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần

- 26.1. Việc kiểm tra giữa học kỳ do cán bộ giảng dạy học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố từ đầu học kỳ, được Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn duyệt và phải được tổ chức tập trung cùng thời gian do trường quy định.

- 26.2. Cuối học kỳ bắt buộc phải có điểm thi kết thúc học phần, chiếm tỷ lệ tối thiểu là 50%. Hình thức thi học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Các lớp học cùng một học phần trong một học kỳ bắt buộc phải thi cùng một đề thi.

Hiệu trưởng hoặc người được Hiệu trưởng ủy quyền duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần theo đề nghị của Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn.

- 26.3. Quy trình chấm thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định tùy theo hình thức thi, sao cho bảo đảm tính công bằng và nghiêm túc. Riêng hình thức thi vấn đáp thì phải có ít nhất 2 giảng viên có trình độ tối thiểu phải tương đương với giảng viên lý thuyết của học phần đó cùng chấm.

- 26.4. Các bảng điểm thi (theo mẫu của Trường) phải có chữ ký của cán bộ chấm thi, có xác nhận của Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa và phải được gửi về văn phòng khoa, P. ĐTDH của trường, chậm nhất là 14 ngày sau khi thi.

- 26.5. Kết quả thi phải được thông báo công khai, rõ ràng sau mỗi kỳ thi.

Điều 27. Chấm phúc tra

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi cuối học kỳ bằng cách

nộp đơn xin phúc tra kết quả thi gửi đến P. ĐTĐH và phải đóng lệ phí do Trường quy định.

Quy trình chấm phúc tra do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra

28.1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong khi thi, chấm thi được thực hiện theo quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

28.2. Trong các đợt kiểm tra thường kỳ, thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm.

28.3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị xử lý buộc thôi học.

Điều 29. Xin cấp bằng điểm

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị trường cấp bằng điểm. Để thực hiện công việc này sinh viên phải làm đơn và nộp lệ phí tại P. ĐTĐH theo quy định của Trường.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp một bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp.

Chương 4. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 30. Thực tập, làm khoá luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

30.1. Thực tập tốt nghiệp

- Là học phần bắt buộc và tiên quyết trước khi sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các ngành đào tạo kỹ sư, có khối lượng là 3 tín chỉ.
- Sinh viên thực tập tốt nghiệp trong thời gian tối thiểu là 10 tuần, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên do khoa phân công.

30.2. Để hoàn tất chương trình giáo dục bậc đại học, sinh viên phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các chuyên đề tốt nghiệp.

30.3. Làm khóa luận tốt nghiệp

- Vào đầu học kỳ cuối của khóa học, sinh viên đăng ký làm khóa luận theo qui trình đăng ký học phần.
- Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp khi thỏa các yêu cầu sau:
 - o Không còn nợ bất kỳ học phần nào trong khối kiến thức đại cương và cơ sở nhóm ngành.
 - o Không được phép nợ quá 2 môn chuyên ngành.
 - o Có điểm trung bình tích lũy tính đến thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp tối thiểu 6,5 hoặc cao hơn theo yêu cầu cụ thể của từng Khoa.
- Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận sẽ được khoa chuyên môn giao đề tài.
- Sinh viên thực hiện khóa luận trong thời gian là một học kỳ chính. Trường hợp đặc biệt, đề tài khóa luận cần phải làm những thí nghiệm kéo dài thì cán bộ hướng dẫn có thể giao đề tài sớm hơn. Khoa gửi danh sách giao đề tài khóa luận cho P. ĐTĐH muộn nhất là 2 tuần kể từ khi hoàn tất việc giao đề tài cho sinh viên. Căn cứ đề nghị của Trưởng P. ĐTĐH và Trưởng khoa, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên chỉ được bảo vệ khóa luận khi :

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình giáo dục theo ngành học của mình, bao gồm cả thực tập tốt nghiệp.
 - Hoàn thành khóa luận và được sự đồng ý bằng văn bản của giáo viên hướng dẫn.
- Hằng năm sẽ có 2 đợt bảo vệ khóa luận tốt nghiệp: tháng 3 và tháng 7. Nếu hết thời gian thực hiện khóa luận theo quy định mà sinh viên không ra bảo vệ hoặc không được giáo viên hướng dẫn đồng ý cho ra bảo vệ vào đúng đợt bảo vệ chính thức xem như rớt học phần này, điểm khóa luận được ghi là không (0) và không được tiếp tục thực hiện khóa luận.
- 30.4. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc không được tiếp tục thực hiện khóa luận hoặc có điểm khóa luận sau khi ra hội đồng bảo vệ dưới 5 sẽ phải học các môn chuyên đề tốt nghiệp sao cho tổng số tín chỉ tối thiểu là 10 tín chỉ.

Điều 31. Chấm thực tập, khoá luận tốt nghiệp

- 31.1. Chấm kết quả thực tập, khoá luận được thực hiện bởi hội đồng do khoa đề nghị và Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.
- Số thành viên của hội đồng chấm thực tập tốt nghiệp là 3 người, bao gồm giáo viên hướng dẫn.
 - Số thành viên của hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp là từ 3 đến 5 người, người hướng dẫn và phản biện có thể không thuộc hội đồng.
 - Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.
- 31.2. Điểm chấm khóa luận cho theo thang điểm 10 (lẻ đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng, người hướng dẫn và người phản biện. Điểm tổng kết là trung bình cộng (làm tròn đến 0,1):
- Điểm hệ số 1 của tất cả thành viên hội đồng (ngoại trừ người hướng dẫn và phản biện nếu người hướng dẫn và phản biện có trong hội đồng).
 - Điểm hệ số 2 của người hướng dẫn và phản biện.

31.3. Điểm chấm thực tập tốt nghiệp cho theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng; điểm tổng kết là trung bình cộng làm tròn đến 0,5 của các thành viên hội đồng (không tính hệ số).

31.4. Kết quả chấm thực tập, khoá luận phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi báo cáo và được tính vào trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Điều 32. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

32.1. Cuối mỗi học kỳ, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây có thể làm đơn gửi hội đồng xét tốt nghiệp :

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí.
- Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho ngành đào tạo mà sinh viên xin xét tốt nghiệp.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất.
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường.
- Đạt điểm rèn luyện tích lũy tối thiểu là 50 điểm.
- Đã đạt thời lượng học tối thiểu của khóa học được quy định tại khoản 2 điều 6.

32.2. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

32.3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng P. ĐTDH làm thư ký và các thành viên là Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

Điều 33. Cấp bằng tốt nghiệp

33.1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo, nếu sinh viên tốt nghiệp ngành đào tạo thứ hai theo quy định tại điều 17 của quy chế này cũng sẽ được cấp bằng tốt nghiệp chuyên ngành phụ. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học quy định tại khoản 4, điều 25 của quy chế này và theo điểm rèn luyện tích lũy.

33.2. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt xuất sắc hoặc giỏi, loại tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học tập tại trường vượt quá 02 học kỳ so với thời gian thiết kế được quy định tại khoản 1, điều 6 của quy chế này.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo ở cấp trường trở lên.
- Có số tín chỉ học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ toàn khóa.

- 33.3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc chuyên ngành phụ (nếu có) và điểm rèn luyện tích lũy của toàn khóa học.
- 33.4. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa được phép học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5,0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học như quy định tại khoản 2, điều 6 của quy chế này, sinh viên được trở về Trường đăng ký học lại và thi cho những học phần bị điểm dưới 5,0 hoặc chưa học.
- 33.5. Những sinh viên đã hết thời hạn tối đa cho phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp và những sinh viên thôi học được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

Chương 5. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2013.

Trong phạm vi của mình, quy chế này là quy định đầy đủ và cao nhất áp dụng cho toàn thể sinh viên trong quá trình theo học bậc đại học chính quy tại trường ĐHCNTT.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Dương Anh Đức